

ĐỀ KIỂM TRA
HỌC SINH GIỎI VÒNG 1 LỚP 9
Quận 3 (2015-2016)
(Thi: thứ 7, 26-9-2015)

Bài 1

a) Cho $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} = \frac{1}{a+b+c}$ ($a, b, c \neq 0$)

Chứng minh $\frac{1}{a^{2015}} + \frac{1}{b^{2015}} + \frac{1}{c^{2015}} = \frac{1}{a^{2015} + b^{2015} + c^{2015}}$

b) Rút gọn $B = \frac{2a\sqrt{1+x^2}}{\sqrt{1+x^2}-x}$ với $x = \frac{1}{2} \left(\sqrt{\frac{1-a}{a}} - \sqrt{1-a} \right)$ ($0 < a < 1$)

c) Tính: $\sqrt[3]{9+4\sqrt{5}} + \sqrt[3]{9-4\sqrt{5}}$

Bài 2: Giải pt

a) $x^5 = x^4 + x^3 + x^2 + x + 2$

b) $8x^2 + \sqrt{\frac{1}{x}} = \frac{5}{2}$

c)
$$\begin{cases} x + \frac{1}{y} = 2 \\ y + \frac{1}{z} = 2 \\ z + \frac{1}{x} = 2 \end{cases}$$

Bài 3 Tìm giá trị lớn nhất của biểu thức: $M = -5x^2 - 2xy - 2y^2 + 14x + 10y - 1$

Bài 4: Chứng minh rằng $10^n + 18n - 28 \div 27, \forall n \in \mathbb{N}$

Bài 5: Cho tam giác ABC nhọn ($AB < AC$), các đường cao BI và CK cắt nhau tại H. Trên đoạn BH lấy điểm D sao cho $\angle ADC = 90^\circ$. Gọi F là giao điểm của BE và CD. Chứng minh $\frac{1}{AD^2} + \frac{1}{DF^2} = \frac{4}{DE^2}$.

Bài 6: Cho tam giác ABC có $\angle A = \angle C = 50^\circ$. Lấy N là điểm nằm trong tam giác ABC sao cho $\angle NBC = 10^\circ$ và $\angle NCB = 20^\circ$. Chứng minh $\tan \angle ANB \cdot \tan \angle NBC = 1$

Bài 7: Trên cạnh BC của hình vuông ABCD lấy $BE = \frac{BC}{3}$; trên tia đối của tia CD lấy F sao cho $CF = \frac{BC}{2}$. Gọi I là giao điểm của AE và BF. Chứng minh A, B, I, C cùng thuộc một đường tròn.

HƯỚNG DẪN ĐỀ KIỂM TRA
HỌC SINH GIỎI VÒNG 1 LỚP 9
Quận 3 (2015-20156)

Bài 1

a) Cho $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} = \frac{1}{a+b+c}$ ($a, b, c \neq 0$) Chứng minh $\frac{1}{a^{2015}} + \frac{1}{b^{2015}} + \frac{1}{c^{2015}} = \frac{1}{a^{2015} + b^{2015} + c^{2015}}$

Ta có: $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} = \frac{1}{a+b+c} \Leftrightarrow \frac{1}{a} + \frac{1}{b} = \frac{1}{a+b+c} - \frac{1}{c} \Leftrightarrow \frac{a+b}{ab} = \frac{-(a+b)}{c(a+b+c)}$

$\Leftrightarrow \frac{a+b}{ab} + \frac{a+b}{c(a+b+c)} = 0 \Leftrightarrow (a+b) \left(\frac{1}{ab} + \frac{1}{c(a+b+c)} \right) = 0 \Leftrightarrow (a+b) \left[\frac{ca+cb+c^2+ab}{abc(a+b+c)} \right] = 0$

$\Leftrightarrow (a+b)(b+c)(c+a) = 0$

TH1: $a = -b$, khi đó: $\begin{cases} \frac{1}{a^{2015}} + \frac{1}{b^{2015}} + \frac{1}{c^{2015}} = \frac{1}{c^{2015}} \\ \frac{1}{a^{2015} + b^{2015} + c^{2015}} = \frac{1}{c^{2015}} \end{cases} \Rightarrow \frac{1}{a^{2015}} + \frac{1}{b^{2015}} + \frac{1}{c^{2015}} = \frac{1}{a^{2015} + b^{2015} + c^{2015}}$

TH2: $b = -c$, khi đó: $\begin{cases} \frac{1}{a^{2015}} + \frac{1}{b^{2015}} + \frac{1}{c^{2015}} = \frac{1}{a^{2015}} \\ \frac{1}{a^{2015} + b^{2015} + c^{2015}} = \frac{1}{a^{2015}} \end{cases} \Rightarrow \frac{1}{a^{2015}} + \frac{1}{b^{2015}} + \frac{1}{c^{2015}} = \frac{1}{a^{2015} + b^{2015} + c^{2015}}$

TH3: $c = -a$, khi đó: $\begin{cases} \frac{1}{a^{2015}} + \frac{1}{b^{2015}} + \frac{1}{c^{2015}} = \frac{1}{b^{2015}} \\ \frac{1}{a^{2015} + b^{2015} + c^{2015}} = \frac{1}{b^{2015}} \end{cases} \Rightarrow \frac{1}{a^{2015}} + \frac{1}{b^{2015}} + \frac{1}{c^{2015}} = \frac{1}{a^{2015} + b^{2015} + c^{2015}}$

Vậy $\frac{1}{a^{2015}} + \frac{1}{b^{2015}} + \frac{1}{c^{2015}} = \frac{1}{a^{2015} + b^{2015} + c^{2015}}$

b) Rút gọn $B = \frac{2a\sqrt{1+x^2}}{\sqrt{1+x^2}-x}$ với $x = \frac{1}{2} \left(\sqrt{\frac{1-a}{a}} - \sqrt{\frac{a}{1-a}} \right)$ ($0 < a < 1$)

Ta có: $x = \frac{1}{2} \left(\sqrt{\frac{1-a}{a}} - \sqrt{\frac{a}{1-a}} \right)$ ($0 < a < 1$) $\Leftrightarrow x^2 = \frac{1}{4} \left(\frac{1-a}{a} - 2 + \frac{a}{1-a} \right)$

$\Leftrightarrow x^2 + 1 = \frac{1}{4} \left(\frac{1-a}{a} - 2 + \frac{a}{1-a} \right) + \frac{4}{4} \Leftrightarrow x^2 + 1 = \frac{1}{4} \left(\frac{1-a}{a} + 2 + \frac{a}{1-a} \right)$

$\Leftrightarrow \sqrt{x^2 + 1} = \frac{1}{2} \sqrt{\left(\sqrt{\frac{1-a}{a}} + \sqrt{\frac{a}{1-a}} \right)^2} \Leftrightarrow \sqrt{x^2 + 1} = \frac{1}{2} \left(\sqrt{\frac{1-a}{a}} + \sqrt{\frac{a}{1-a}} \right)$

Thế vào $B = \frac{2a\sqrt{1+x^2}}{\sqrt{1+x^2}-x}$, ta được:

$$B = \frac{2a \frac{1}{2} \left(\sqrt{\frac{1-a}{a}} + \sqrt{\frac{a}{1-a}} \right)}{\frac{1}{2} \left(\sqrt{\frac{1-a}{a}} + \sqrt{\frac{a}{1-a}} \right) - \frac{1}{2} \left(\sqrt{\frac{1-a}{a}} - \sqrt{\frac{a}{1-a}} \right)}$$

$$\Leftrightarrow B = \frac{a \frac{1-a+a}{\sqrt{a}\sqrt{1-a}} = \frac{\sqrt{a}}{\sqrt{1-a}}}{\frac{\sqrt{a}}{\sqrt{1-a}} - \frac{\sqrt{a}}{\sqrt{1-a}}} = 1$$

c) Tính : $x = \sqrt[3]{9+4\sqrt{5}} + \sqrt[3]{9-4\sqrt{5}}$

Ta có: $x = \sqrt[3]{9+4\sqrt{5}} + \sqrt[3]{9-4\sqrt{5}}$

$$\Leftrightarrow x^3 = 9+4\sqrt{5} + 3 \left(\sqrt[3]{9+4\sqrt{5}} + \sqrt[3]{9-4\sqrt{5}} \right) \left(\sqrt[3]{9+4\sqrt{5}} \cdot \sqrt[3]{9-4\sqrt{5}} \right) + 9-4\sqrt{5}$$

$$\Leftrightarrow x^3 = 18 + 3(x)(1)$$

$$\Leftrightarrow x^3 - 3x - 18 = 0$$

$$\Leftrightarrow (x-3)(x^2 + 3x + 6) = 0$$

$$\Leftrightarrow (x-3) \left[\left(x + \frac{3}{2} \right)^2 + \frac{15}{4} \right]$$

$$\Leftrightarrow x = 3$$

Bài 2: Giải các phương trình sau:

a) $x^5 = x^4 + x^3 + x^2 + x + 2$

Ta có: $x^5 = x^4 + x^3 + x^2 + x + 2$

$$\Leftrightarrow x^5 - x^4 - x^3 - x^2 - x - 2 = 0$$

$$\Leftrightarrow x^5 - 2x^4 + x^4 - 2x^3 + x^3 - 2x^2 + x^2 - 2x + x - 2 = 0$$

$$\Leftrightarrow x^4(x-2) + x^3(x-2) + x^2(x-2) + x(x-2) + (x-2) = 0$$

$$\Leftrightarrow (x-2)(x^4 + x^3 + x^2 + x + 1) = 0$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} x = 2 \\ x^4 + x^3 + x^2 + x + 1 = 0 \end{cases} \quad (1)$$

Giải (1) : ta có: $x^4 + x^3 + x^2 + x + 1 = 0 \Leftrightarrow \left(x^2 + \frac{x}{2} \right)^2 + \left(\frac{x}{2} + 1 \right)^2 + \frac{x^2}{2} = 0$ (vô lí)

b) $8x^2 + \sqrt{\frac{1}{x}} = \frac{5}{2}$

Điều kiện: $x > 0$; đặt $t = \sqrt{\frac{1}{x}}$ ($t > 0$) $\Rightarrow x = \frac{1}{t^2}$, phương trình đã cho trở thành :

$$\frac{8}{t^4} + t = \frac{5}{2} \Leftrightarrow 2t^5 - 5t^4 + 16 = 0 \Leftrightarrow (t-2)^2(2t^3 + 3t^2 + 4t + 4) = 0 \Leftrightarrow t = 2$$

Với $t = 2 \Leftrightarrow x = \frac{1}{4}$

$$c) \begin{cases} x + \frac{1}{y} = 2 & (1) \\ y + \frac{1}{z} = 2 & (2) \\ z + \frac{1}{x} = 2 & (3) \end{cases}$$

Điều kiện : $x \neq 0, y \neq 0, z \neq 0,$

Từ pt (1) ta suy ra $y = \frac{1}{2-x}$

Từ pt (3) ta suy ra $z = \frac{2x-1}{x}$

Thế vào pt (2), ta được: $\frac{1}{2-x} + \frac{1}{\frac{2x-1}{x}} = 2 \Leftrightarrow \frac{1}{2-x} + \frac{x}{2x-1} = 2$ (4)

Điều kiện: $x \neq 2, x \neq \frac{1}{2}$

Với điều kiện trên, pt (4) trở thành: $\frac{2x-1+x(2-x)}{(2-x)(2x-1)} = \frac{2(2-x)(2x-1)}{(2-x)(2x-1)}$

$$\Rightarrow 2x-1+x(2-x) = 2(2-x)(2x-1)$$

$$\Leftrightarrow 2x-1+2x-x^2 = 2(4x-2x^2+x-2)$$

$$\Leftrightarrow 3x^2 - 6x + 3 = 0$$

$$\Leftrightarrow 3(x-1)^2 = 0$$

$$\Leftrightarrow x = 1$$

suy ra $y = 1 ; z = 1$

Vậy hệ phương trình có nghiệm: $(x, y, z) = (1, 1, 1)$

Bài 3 Tìm giá trị lớn nhất của biểu thức: $M = -5x^2 - 2xy - 2y^2 + 14x + 10y - 1$

Ta có : $M = -5x^2 - 2xy - 2y^2 + 14x + 10y - 1$

$$\Leftrightarrow -2M = 4y^2 + 4xy - 20y + 10x^2 - 28x + 2$$

$$\Leftrightarrow -2M = (2y)^2 + 2(2y)(x-5) + (x-5)^2 - (x-5)^2 + 10x^2 - 28x + 2$$

$$\Leftrightarrow -2M = (2y+x-5)^2 + 9x^2 - 18x - 23$$

$$\Leftrightarrow -2M = (2y+x-5)^2 + (3x-3)^2 - 32$$

$$\Leftrightarrow M = \frac{-1}{2} \left[(2y+x-5)^2 + (3x-3)^2 - 32 \right] \leq 16$$

Vậy $M_{\max} = 16$. Dấu “=” xảy ra khi: $\begin{cases} 3x-3=0 \\ 2y+x-5=0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x=1 \\ y=2 \end{cases}$

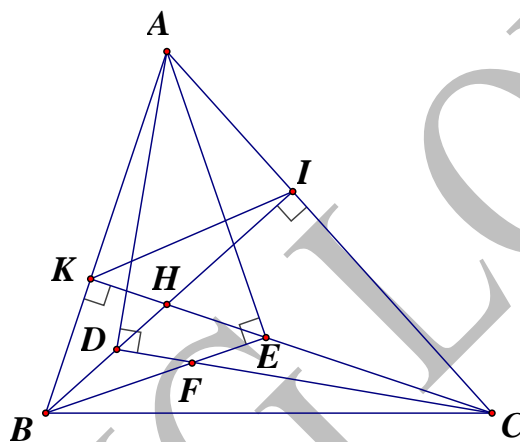
Bài 4: Chứng minh rằng $10^n + 18n - 28 \div 27, \forall n \in \mathbb{N}$

Ta có :

$$\begin{aligned}
 10^n + 18n - 28 &= 10^n - 1 + 18n - 27 \\
 &= (10 - 1)(10^{n-1} + 10^{n-2} + \dots + 1) + 18n - 27 \\
 &= 9 \left[(9+1)^{n-1} + (9+1)^{n-2} + \dots + (9+1)^2 + (9+1) + 1 \right] + 18n - 27 \\
 &= 9(9k + n) + 18n - 27 \\
 &= 81k + 27n - 27 \\
 &= 27(3k + n - 1) : 27
 \end{aligned}$$

Bài 5: Cho tam giác ABC nhọn ($AB < AC$), các đường cao BI và CK cắt nhau tại H. Trên đoạn BH lấy điểm D sao cho $\angle ADC = 90^\circ$. Gọi F là giao điểm của BE và CD. Chứng minh

$$\frac{1}{AD^2} + \frac{1}{DF^2} = \frac{4}{DE^2}.$$



Gọi O là giao điểm của AF và DE.

Để chứng minh được:
$$\begin{cases} AD^2 = AL.AC \text{ (HTL)} \\ AE^2 = AK.AB \text{ (HTL)} \\ AL.AC = AK.AB \text{ (}\triangle AIB \sim \triangle AKC\text{)} \end{cases} \Rightarrow AD = AE \Rightarrow \triangle ADE \text{ cân tại A}$$

Ta có:
$$\begin{cases} \angle FDE + \angle ADE = \angle FDA \\ \angle FED + \angle AED = \angle FEA \\ \angle FDA = \angle FEA (= 90^\circ) \end{cases} \Rightarrow \angle FDE = \angle FED \Rightarrow \triangle FDE \text{ cân tại F} \Rightarrow FD = FE$$

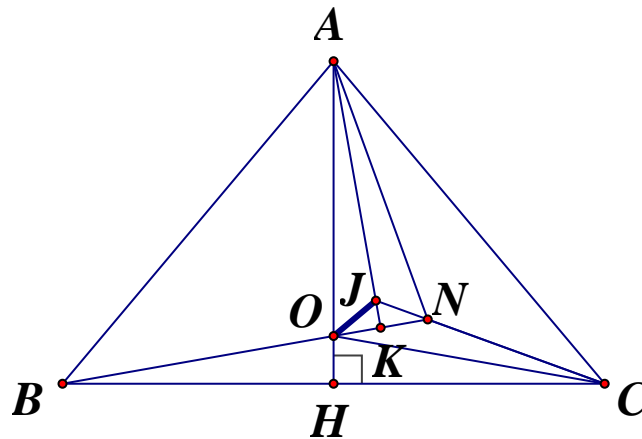
$$\angle ADE = \angle AED \text{ (}\triangle ADE \text{ cân tại A)}$$

Ta có:
$$\begin{cases} AD = AE \\ FD = FE \end{cases} \Rightarrow AF \text{ là đường trung trực của đoạn thẳng DE}$$

$$\Rightarrow \begin{cases} AF \perp DE \text{ tại O} \\ O \text{ là trung điểm của DE.} \end{cases}$$

Xét $\triangle ADF$ vuông tại D, ta có: DO là đường cao
$$\Rightarrow \frac{1}{AD^2} + \frac{1}{DF^2} = \frac{1}{DO^2} = \frac{4}{DE^2}$$

Bài 6: Cho tam giác ABC có $\angle ABC = \angle ACB = 50^\circ$. Lấy N là điểm nằm trong tam giác ABC sao cho $\angle NBC = 10^\circ$ và $\angle NCB = 20^\circ$. Chứng minh: $\tan \angle ANB \cdot \tan \angle NBC = 1$.



Kẻ đường cao AH cắt BN tại O, AK vuông góc với BN tại K, CN cắt AK tại J.

$\triangle BOC$ cân tại O $\Rightarrow \text{OCH} = \text{OCN} = 10^\circ \Rightarrow \text{ACO} = \text{OAC} = 40^\circ \Rightarrow \text{OA} = \text{OC}$

$\text{AON} = \text{BOH} = 80^\circ \Rightarrow \text{OAJ} = 10^\circ \Rightarrow \text{JAC} = \text{JCA} = 30^\circ \Rightarrow \triangle \text{AJC}$ cân tại J. $\Rightarrow \text{AJ} = \text{JC}$

Mà $\text{OA} = \text{OC}$. Nên OJ là đường trung trực của AC. $\Rightarrow \text{OJ}$ là phân giác của AOC

$\Rightarrow \text{JOC} = 50^\circ$ (do $\text{AOC} = 100^\circ$). Mà $\text{NOC} = 20^\circ$ (góc ngoài của $\triangle \text{OBC}$)

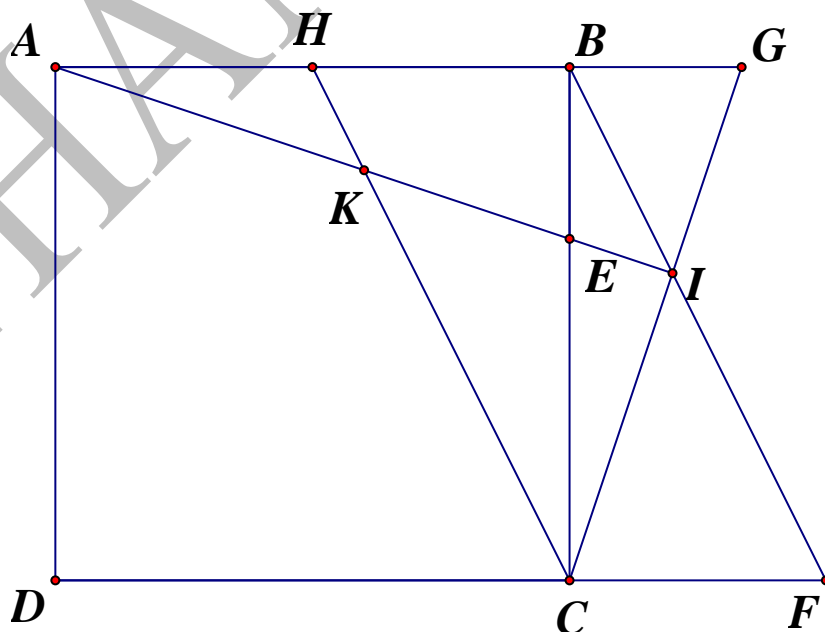
Nên $\text{JON} = 30^\circ = \text{JNO}$ (góc ngoài $\triangle \text{BNC}$) $\Rightarrow \triangle \text{OJN}$ cân tại J $\Rightarrow \text{K}$ là trung điểm của ON.

$\Rightarrow \triangle \text{AON}$ cân tại A $\Rightarrow \text{ANB} = \text{AON} = 80^\circ$

Vậy $\tan \text{ANB} \cdot \tan \text{NBC} = \tan 80^\circ \cdot \tan 10^\circ = \tan 80^\circ \cdot \cot 80^\circ = 1$

Bài 7: Trên cạnh BC của hình vuông ABCD lấy $\text{BE} = \frac{\text{BC}}{3}$; trên tia đối của tia CD lấy F sao

cho $\text{CF} = \frac{\text{BC}}{2}$. Gọi I là giao điểm của AE và BF. Chứng minh A, B, I, C cùng thuộc một đường tròn.



Gọi G là giao điểm của CI và AB; H là trung điểm của AB, K là giao điểm của CH và AI.

$$\text{Ta có: } \triangle BEI \sim \triangle CEK \text{ (g-g)} \Rightarrow \frac{BI}{CK} = \frac{BE}{CE} = \frac{1}{2} \Rightarrow CK = 2BI$$

Mà $BI = 2HK$ (Vì HK là đường trung bình của $\triangle ABI$)

Nên $CK = 4HK$

$$\text{Do đó: } \frac{CK}{CH} = \frac{4}{5} \text{ mà } CK = 2BI \text{ nên } \frac{2BI}{CH} = \frac{4}{5} \Rightarrow \frac{BI}{CH} = \frac{2}{5}$$

Mà $\frac{GB}{GH} = \frac{BI}{CH}$ (hệ quả Thales)

$$\text{nên } \frac{GB}{GH} = \frac{2}{5} \Rightarrow \frac{GB}{HB} = \frac{2}{3} \Rightarrow \frac{GB}{AB} = \frac{1}{3} \text{ mà } \frac{BE}{BC} = \frac{1}{3} \text{ và } AB = BC \text{ nên } GB = BE$$

Xét $\triangle GBC$ và $\triangle EBA$, ta có:

$$\begin{cases} BG = BE \text{ (cmt)} \\ BC = BA \text{ (ABCD là hình vuông)} \Rightarrow \triangle CBG = \triangle ABE \text{ (c-g-c)} \Rightarrow \angle BCG = \angle BAE \\ \angle ABE = \angle CBG (= 90^\circ) \end{cases}$$

$$\Rightarrow \angle ECI = \angle BAE$$

Xét $\triangle EIC$ và $\triangle EBA$, ta có:

$$\begin{cases} \angle CEI = \angle AEB \text{ (2 góc đối đỉnh)} \\ \angle ECI = \angle BAE \text{ (cmt)} \end{cases} \Rightarrow \triangle EIC \sim \triangle EBA \Rightarrow \angle EIC = \angle EBA = 90^\circ$$

Vậy A, B, I, C cùng thuộc một đường tròn.

---HẾT---